

Số: **003627**/PTC-KHTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng 9 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP.

- Mã chứng khoán: PEG.

- Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (028) 3930 3633

Fax: (028) 3930 5686

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP công bố thông tin về Quyết định 003625/QĐ-PTC ngày 20/09/2022 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 20/09/2022 tại đường dẫn <https://petec.com.vn/vn/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định số 003625/QĐ-PTC ngày 20/09/2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT; KHTH.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải

Số: 003625/QĐ - PTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần (PETEC)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/20 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 003547/TTr-TGD ngày 13/9/2022 của Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP;

Căn cứ kết quả phiếu xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các Quyết định, văn bản hướng dẫn đã ban hành trước đây.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng của PETEC, Giám đốc các đơn vị trực thuộc PETEC và Người đại diện của PETEC tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS (để biết);
- Lưu: VT, KHTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Tú

QUY CHẾ

Công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3625 /QĐ-PTC ngày 20/...9.../2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của:

- Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần (Tổng công ty);
- Người nội bộ của Tổng công ty.

2. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần và Người nội bộ của Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Quy chế này.

2. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

3. UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Sở giao dịch chứng khoán/SGDCK là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Tổng công ty/PETEC là Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP.

6. Điều lệ là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

7. Người nội bộ là người nội bộ của Tổng công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Trưởng, phó Ban kiểm soát nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

8. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
9. *Hội đồng quản trị/HĐQT* là Hội đồng quản trị Tổng công ty.
10. *Ban kiểm soát* là Ban kiểm soát Tổng công ty.
11. *Tổng giám đốc* là Tổng giám đốc Tổng công ty.
12. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
13. *Người điều hành doanh nghiệp* bao gồm các chức danh Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
14. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty.
15. *Phòng chuyên môn* là các Phòng chức năng của Tổng công ty.
16. *Trang thông tin điện tử của Tổng công ty* là trang <https://petec.com.vn/>
17. *Luật doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
18. *Luật chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
19. *Nghị định 47/2021/NĐ-CP* là Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
20. *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
21. *Nghị định 156/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
22. *Thông tư 116/2020/TT-BTC* là Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
23. *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
24. *Thông tư 118/2020/TT-BTC* là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
25. *Quyết định 21/QĐ-SDGVN* là Quyết định số 21/QĐ-SDGVN ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.
26. *Quyết định 606/QĐ-SDGHN* là Quyết định số 606/QĐ-SDGHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 47/2021/NĐ-CP, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Nghị định 156/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Thông tư 118/2020/TT-BTC, Quyết định 21/QĐ-SGDVN, Quyết định 606/QĐ-SDGHN, Điều lệ, Quy chế này và các quy định có liên quan.
2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, phải thực hiện công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
5. Đối với các thông tin công bố theo yêu cầu, khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công bố thông tin.
6. Tổng công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong tối thiểu 05 năm.
7. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Tổng công ty có thể công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhưng không phải là trường hợp bắt buộc. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc hoặc 01 cá nhân do Tổng giám đốc ủy quyền công bố thông tin.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt

thì thành viên giữ chức vụ cao nhất trong số Người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Tổng công ty phải đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 03 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty (<https://petec.com.vn>);
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổng công ty lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Lập trang thông tin điện tử bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng;

b) Báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy định công bố thông tin, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của mình và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tổng công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, ...). Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định tại Nghị định 156/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

Trường các bộ phận chức năng của Tổng công ty và các cá nhân là đối tượng thực hiện công bố thông tin và/hoặc chịu trách nhiệm công bố thông tin, chuẩn bị nội dung công bố thông tin theo Quy chế này nếu để xảy ra vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại (nếu có) tương ứng với mức độ vi phạm.

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CHUNG

Điều 8. Công bố thông tin chung về Tổng Công ty

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin chung về Tổng công ty bao gồm:

- a) Bản cung cấp thông tin về Tổng công ty;
- b) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
- c) Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
- d) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- e) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm;
- f) Báo cáo về thực trạng quản trị Tổng công ty, bao gồm các thông tin sau đây:
 - Thông tin về Người quản lý Tổng công ty, Người có liên quan của Người nội bộ; Người có liên quan của Tổng công ty;
 - Các quyết định, nghị quyết của HĐQT, báo cáo của Ban kiểm soát;
 - Thông tin số lượng lao động và tiền lương bình quân năm của Tổng công ty.

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 9. Công bố thông tin về báo cáo tài chính

1. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Tổng công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ (Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP) và báo cáo tài chính năm hợp nhất;

c) Tổng công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

d) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty, được lập theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Tổng công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại khoản 1 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: Tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý; báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Tổng công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

5. Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 10. Công bố thông tin về báo cáo quản trị công ty

1. Định kỳ 06 tháng và năm, Tổng công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng chậm nhất là ngày 30/7 và thời hạn công bố thông tin báo cáo quản trị công ty năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 11. Công bố thông tin về báo cáo thường niên

1. Tổng công ty lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Tổng Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty công bố trên website của Tổng công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

3. Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG & CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 13. Công bố thông tin bất thường

1. Tổng công ty công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường, bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh;
- g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- h) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- i) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng công ty;
- k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
- Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu, hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu: tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ: tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

Tổng công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của mình và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết. Nội dung công bố thông tin thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành theo Mẫu 07_CBTT/SGDHN ban hành kèm theo Quyết định 606/QĐ-SDGHN hoặc các quyết định có liên quan.

Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SDGHN hoặc các quyết định có liên quan và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

l) Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SDGHN hoặc các quyết định có liên quan và gửi kèm quyết định/ng nghị quyết về việc thay đổi nhân sự trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định/ng nghị quyết. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin, Tổng công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

o) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);

p) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

q) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

r) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

s) Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

t) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

u) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.

v) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Tổng công ty công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

a) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;



c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Đối với các thông tin công bố bất thường khác, nội dung công bố thông tin theo Mẫu 08_CBTT/SGDHN kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN hoặc các quyết định có liên quan.

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Tổng công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Chương V CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch, Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

3. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định

pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Công bố thông tin về danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Tổng công ty thực hiện gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01_CBTT/SGDHN ban hành kèm theo Quyết định 606/QĐ-SGDHN hoặc các quyết định có liên quan.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Trường hợp Tổng công ty thực hiện chào mua công khai cổ phần của công ty mục tiêu hoặc cổ phiếu của Tổng công ty là đối tượng chào mua công khai của tổ chức, cá nhân khác thì phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Chương VI CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Điều 17. Công bố thông tin của Người nội bộ

1. Ngay khi trở thành Người nội bộ của Tổng công ty, Người nội bộ có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ cho Tổng công ty thông tin cá nhân và Người có liên quan theo Bản cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC để Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định tại Điểm l) Khoản 1 Điều 13 Quy chế này. Người nội bộ có trách nhiệm cập nhật thông tin khi có thay đổi, bổ sung các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên và gửi cho Tổng công ty trong thời hạn 24h kể từ khi có thay đổi, bổ sung. Tổng công ty thực hiện báo cáo Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN hoặc các quyết định có liên quan.

2. Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan đến người nội bộ có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và Người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối

lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và Người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là Người có liên quan của Người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

f) Người nội bộ và Người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này nếu đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC áp dụng đối với giao dịch của cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty) thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

3. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều này nhưng đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của Tổng công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Tổng công ty

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (trước đây là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam) công bố.

2. Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán, Tổng công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật. Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn, tổ chức đăng ký giao dịch gửi thông báo đến Sở giao dịch chứng khoán về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo Mẫu 10_CBTT/SGDHN kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK hoặc các quyết định có liên quan.

Điều 19. Tổ chức thực hiện công bố thông tin

1. Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty hoặc ủy quyền cho 01 cá nhân thực hiện công bố thông tin. Trong mọi trường hợp, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin công bố.

2. Tổng công ty thực hiện đăng ký và sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định pháp luật.

3. Các Phòng Tổng công ty có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Người nội bộ của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và cập nhật khi có thay đổi các thông tin cá nhân và Người có liên quan cho Tổng công ty theo quy định của Quy chế này. Người nội bộ đồng thời có trách nhiệm thông báo đến Người có liên quan của của mình về nghĩa vụ công bố thông tin trong các trường hợp thực hiện giao dịch quy định tại Điều 17 Quy chế này.

5. Tài liệu CBTT được gửi bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử theo quy định tại cụ thể Phụ lục 01 Quy chế này hoặc các phát sinh có liên quan đến Phòng Kế hoạch Tổng hợp Tổng công ty và địa chỉ email petec.cbtt@petec.pvoi.vn

6. Phòng Kế hoạch – Tổng hợp có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở và tiếp nhận thông tin từ các Phòng/Người nội bộ trình Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền thông qua trước khi thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định.

7. Quy chế này thay thế cho các văn bản trước đây về Công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư-CTCP.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 07 chương 20 điều và kèm theo 01 phụ lục, có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành.
2. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *KB*



Nguyễn Tuấn Tú

49.
JG
T
K
J
P
80

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP theo Quyết định số 3625/QĐ-PTC ngày 20 / 9 /2022)

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
I	Công bố thông tin chung						
1	Thông tin chung	Bản cung cấp thông tin về TCT	Sau khi hoàn tất đăng ký công ty đại chúng và 24h sau khi có cập nhật, bổ sung	Website UBCKNN SGDCK	File PDF	Theo quy định hiện hành	TCHC
		Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT	24h sau khi có thay đổi, bổ sung	Website	File PDF	Theo quy định hiện hành	KHTH
		Cơ cấu tổ chức của TCT	03 ngày sau khi có sự thay đổi, bổ sung	Website	File PDF		TCHC
		Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm	24h sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên	Website	File PDF		KHTH
		Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm	24h sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên	Website	File PDF		KHTH
2	Báo cáo về thực trạng quản trị TCT	Thông tin về Người nội bộ, Người có liên quan đến Người nội bộ; Người có liên quan của TCT	CBTT trong vòng 24h kể từ khi có quyết định là người nội bộ PETEC và khi có thay đổi, bổ sung thông tin. Báo cáo HNX trong vòng 3 ngày làm việc	Website, UBCKNN SGDCK	File PDF	04_CBTT/SGDHN 03_CBTT/SGDHN QĐ 606 & Phụ lục III TT 96	Người nội bộ phối hợp P.TCHC
		Các quyết định, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty, báo cáo của Ban kiểm soát		Website, UBCKNN SGDCK	File PDF		TK HĐQT; BKS
II	Công bố thông tin định kỳ						
1	Công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất).						

11/21 - 13/5 - 15/11

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
a	BCTC kiểm toán hàng năm	1) BCTC gồm: thuyết minh BCTC và phụ lục (nếu có), báo cáo của Ban giám đốc, báo cáo của tổ chức kiểm toán 2) Văn bản giải trình của TCT trong trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC; 3) Văn bản giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính hợp nhất: a - LNST tại BC KQKD của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước b - LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại; c - LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	TCKT
b	BCTC kiểm toán bán niên		05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	TCKT
c	BCTC quý hoặc BCTC quý được kiểm toán (nếu có)		30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, BCTC được soát xét (nếu có) được công bố trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét. Trường hợp chậm trễ, phải báo cáo UBCKNN xin gia hạn nhưng tối đa không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	TCKT
2	Báo cáo thường niên	Mẫu quy định tại Phụ lục IV - TT 96	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm nhưng không quá 110 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục IV TT 96	KHTH chủ trì và các phòng, chức năng phối hợp

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng và hàng năm	Mẫu quy định tại Phụ lục V - TT 96	30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục V TT 96 Mẫu 09_CBTT/SGDHN QĐ 606	KHTH chủ trì và các phòng chức năng phối hợp
4	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội 1) Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để tham dự đại hội 2) Thông báo mời họp 3) Mẫu giấy ủy quyền 4) Chương trình họp 5) Phiếu biểu quyết 6) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV 7) Các tài liệu thảo luận, thông qua tại cuộc họp 8) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ	Website, UBCKNN, SGDCK Website : toàn bộ tài liệu UBCKNN và SGDCK: TB mời họp kèm đường dẫn đến toàn bộ dự thảo tài liệu của ĐHĐCĐ	File PDF File PDF	Nghị quyết HĐQT Dự thảo tài liệu và các cập nhật bổ sung nếu có	KHTH KHTH; TCHC
	Thông tin Đại hội đồng cổ đông	Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan, Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24h kể từ khi thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Biên bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan, BB kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	TK HĐQT TCHC



STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
5	Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại TCT và các thay đổi liên quan	Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của VSD	Website, UBCKNN, SGDCK, VSD	File PDF	1. CV của TCT 2. Văn bản chấp thuận của VSD	KHTH
6	Công bố thông tin về danh sách cổ đông	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn 6 tháng đầu năm (tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6) và 6 tháng cuối năm dương lịch (tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ BC 6 tháng đầu năm: trước 30/7 ▪ BC 6 tháng cuối năm: trước 30/1 năm sau 	Website SGDCK	File PDF	Mẫu 01_CBTT/SGDHN QĐ 606	KHTH
II	Công bố thông tin bất thường						
1	Thông tin bất thường	1) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	CV thông báo của TCT nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)	TCKT (theo đổi toàn hệ thống)
		2) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	1. CV của TCT 2. VB của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	KHTH; TCHC
		3) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm	24h kể từ khi kết thúc ĐHĐCĐ	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	- BB, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu kèm theo; BB kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản)	KHTH

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
		theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.				- CV thông báo trong trường hợp hủy niêm yết	
		4) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT	Phòng đầu mối xử lý vụ việc
1 (tiếp)	Thông tin bất thường	5) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu. 6) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của TCT.	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT	Phòng TCKT chủ trì
1 (tiếp)	Thông tin bất thường	7) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ CV thông báo của TCT	TCHC; KHTH TCKT

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
1 (tiếp)	Thông tin bất thường	8) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	24h kể từ khi ban hành NQ của HĐQT	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của HĐQT & mẫu 06_CBT/SGDHN - QĐ 606	Phòng đầu mối xử lý vụ việc
		9) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa TCT với người nội bộ hoặc người có liên quan.	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của ĐHCĐ hoặc HĐQT	TK HĐQT
		10) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHCĐ/HĐQT	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của HĐQT hoặc ĐHCĐ	KHTH
		a) Trường hợp TCT phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu;	24h tính từ thời điểm TCT báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	1. CV của TCT 2. BC UBCKNN	
		b) Trường hợp TCT mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ;	24h tính từ thời điểm TCT báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	1. CV của TCT 2. BC kết quả giao dịch	
		c) Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.	CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	CV của TCT	
		11) TCT thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	02_CBT/SGDHN 03_CBT/SGDHN - QĐ 606 Bản Cung cấp thông tin theo Phụ lục III – TT96	TCHC
		12) Quyết định tăng giảm vốn điều lệ.	24h từ khi ban hành NQ/QĐ	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	1- CV của TCT 2- NQ/QĐ của ĐHCĐ/HĐQT	TCKT

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
		<p>13) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).</p> <p>14) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).</p> <p>15) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT.</p> <p>16) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của TCT; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.</p> <p>17) TCT nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.</p> <p>18) Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính TCT.</p> <p>19) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.</p> <p>Văn bản gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán VN đăng ký ngày cuối cùng để thực hiện các quyền cổ đông.</p>	<p>24h từ khi ban hành NQ/QĐ về việc mua/bán</p> <p>24h từ khi ban hành NQ/QĐ</p> <p>24h kể từ khi nhận được QĐ</p> <p>24h kể từ khi nhận được bản án, QĐ</p> <p>24h kể từ khi nhận được thông báo của Tòa án</p> <p>24h kể từ khi nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính TCT</p> <p>24h kể từ khi xảy ra sự kiện</p> <p>Tối thiểu ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến</p>	<p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p> <p>Website, UBCKNN, SGDCK</p>	<p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p> <p>File PDF</p>	<p>1- CV của TCT 2- NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT</p> <p>1- CV của TCT 2- NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT</p> <p>1- CV của TCT 2- QĐ của cơ quan thẩm quyền</p> <p>1- CV của TCT 2- Bản án, QĐ của cơ quan thẩm quyền</p> <p>1- CV của TCT 2- TB của tòa án</p> <p>CV của TCT xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của TCT</p> <p>CV thông báo của TCT nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có)</p> <p>Văn bản gửi VSD</p>	<p>TCKT; KHHTH</p> <p>TCKT; KHHTH</p> <p>KHHTH</p> <p>Phòng đầu mối xử lý vụ việc</p> <p>KHHTH</p> <p>Phòng đầu mối xử lý vụ việc</p> <p>Các phòng theo chức năng</p> <p>KHHTH</p>
1 (tiếp)	Thông tin bất thường						
1 (tiếp)	Thông tin bất thường						
2	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện						

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin	
3	Tên tài liệu quyền có đồng CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác	Nội dung CBTT CBTT báo cáo tài chính sau khi thay đổi kỳ kế toán: Tổng công ty CBTT báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Thời hạn CBTT theo quy định Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Nơi CBTT VSD. Website, UBCKNN, SGDCK	Hình thức tài liệu File PDF	Mẫu báo cáo 1. CV của TCT 2. BCTC sau khi thay đổi kỳ kế toán	Bộ phận cung cấp thông tin TCKT	
III	Công bố thông tin theo yêu cầu							
1	Công bố theo yêu cầu	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi: 1- Xây ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; 2- Có thông tin ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán	24h từ khi nhận được yêu cầu	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	CV của TCT nêu rõ sự kiện, nguyên nhân và đánh giá của TCT về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Phòng được giao xử lý	
IV	Công bố thông tin khác							
1	Chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn; chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: thực hiện theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT-BTC và pháp luật liên quan về chào bán, phát hành chứng khoán						
2	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình và bán cổ phiếu quỹ	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ: thực hiện theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT-BTC và pháp luật liên quan Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.						
V	Công bố thông tin của Người nội bộ							
1	Ủy quyền CBTT	Đăng ký ủy quyền CBTT	24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực	Website, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục II và III TT 96	Người nội bộ	

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
2	CBTT của người nội bộ khi thực hiện giao dịch cổ phiếu PETEC	Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan đến người nội bộ có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDHN khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch	Website, UBCKN, SGDCK	File PDF	Phụ lục XIII hoặc XIV TT 96	Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ
3	CBTT của TCT đối với giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ	Kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký. 1. Báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan 2. Báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Người nội bộ	05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Website, UBCKN, SGDCK	Bản gốc + bản PDF/TIF	Phụ lục XV hoặc XVI TT 96	Người nội bộ
			03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo từ Người nội bộ	Website TCT	File PDF	Theo quy định của UBCKNN	Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ